



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

Tỉnh Đắk Lắk

Số 65

Ngày 09 tháng 10 năm 2024

## MỤC LỤC

Trích yếu nội dung

Trang

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

26-9-2024	Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk.	2
27-9-2024	Quyết định số 35/2024/QĐ-UBND ban hành Quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk.	7
08-10-2024	Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	15

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34/2024/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 26 tháng 9 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 2 Thông tư số 30/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 164/TTr-SNN ngày 13/9/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

#### Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Chi cục Phát triển nông thôn là tổ chức hành chính trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk, có chức năng tham mưu giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện chức năng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế trang trại liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; cơ điện nông nghiệp, bảo hiểm nông nghiệp, phát triển nông thôn, phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn, bố trí dân cư, hỗ trợ giảm nghèo và an sinh xã hội nông thôn, đào tạo nghề nông nghiệp cho

lao động nông thôn theo quy định của pháp luật.

Chi cục Phát triển nông thôn chịu sự chỉ đạo, quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đồng thời, chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

2. Chi cục Phát triển nông thôn có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp theo quy định.

3. Trụ sở của Chi cục Phát triển nông thôn đặt tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

## **Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và tổ chức thực thi pháp luật về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp, kinh tế trang trại, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, cơ điện nông nghiệp, bảo hiểm nông nghiệp, phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn, bố trí dân cư, hỗ trợ giảm nghèo và an sinh xã hội nông thôn, đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật:

a) Tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: Cơ chế, chính sách, biện pháp khuyến khích phát triển nông thôn; phát triển kinh tế trang trại nông nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã và liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; chính sách phát triển cơ điện nông nghiệp; tổ chức sản xuất phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản tập trung; phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản; phát triển ngành nghề nông thôn; bảo tồn và phát triển các ngành nghề truyền thống; phát triển ngành thủ công mỹ nghệ; đào tạo, phổ biến chính sách công trong nông nghiệp được giao phụ trách; đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn;

b) Tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định về phân công, phân cấp thẩm định các chương trình, dự án liên quan đến phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông nghiệp, kinh tế hợp tác, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp; liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản; phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản tập trung; phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp và chế biến

nông sản; phát triển ngành nghề nông thôn; bảo hiểm nông nghiệp; bảo tồn và phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề; đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo quy định; bố trí dân cư và di dân, tái định cư trong nông thôn; theo dõi, tổng hợp báo cáo về phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh;

c) Tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện chương trình, dự án hoặc hợp phần của chương trình, dự án xoá đói giảm nghèo và an sinh xã hội nông thôn; chương trình hành động không còn nạn đói; bảo hiểm nông nghiệp; xây dựng nông thôn mới; xây dựng khu dân cư; xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn theo phân công của cấp có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

2. Giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về lĩnh vực phát triển nông thôn:

a) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực phát triển nông thôn, chiến lược phát triển nông thôn; chương trình, kế hoạch, dự án, đề án về phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật;

b) Hướng dẫn, kiểm tra về lĩnh vực phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật;

c) Xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu về lĩnh vực Phát triển nông thôn; tổ chức công tác thống kê các hoạt động thông tin, lưu trữ, thống kê khác phục vụ yêu cầu quản lý về lĩnh vực phát triển nông thôn của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định;

d) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ vào hoạt động Phát triển nông thôn được giao phụ trách thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh;

e) Thực hiện nhiệm vụ về quản lý đầu tư công trình xây dựng có liên quan theo phân công của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và theo quy định của pháp luật;

g) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác xóa bỏ cây có chứa chất gây nghiện; định canh; bố trí dân cư và di dân, tái định cư trong nông thôn gắn với tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Thực hiện tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật hoặc ủy quyền của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực kinh tế trang trại, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ điện trong nông nghiệp, ngành nghề nông thôn trong lĩnh vực Phát triển nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

5. Thực hiện chương trình cải cách hành chính trong lĩnh vực Phát triển nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

6. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật và phân công hoặc ủy quyền của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

7. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

8. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và theo quy định của pháp luật.

9. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và cán bộ không chuyên trách xã, phường, thị trấn làm công tác quản lý về nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức và biên chế**

#### **1. Cơ cấu tổ chức**

a) Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn gồm: Chi Cục trưởng và 01 Phó Chi Cục trưởng.

b) Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

- Phòng Tổng hợp, Kinh tế hợp tác;
- Phòng Cơ điện nông nghiệp, phát triển nông thôn.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ

do Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn quy định.

2. Biên chế của Chi cục Phát triển nông thôn là biên chế công chức do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao trong tổng số biên chế công chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm trên cơ sở vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 / 10 /2024.

Bãi bỏ Quyết định số 290/QĐ-SNN ngày 02/02/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Phát triển nông thôn.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Các Giám đốc Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp, Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Ngọc Nghị**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

Số: 35/2024/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 9 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 629/TTr-SNV ngày 28/6/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 2.** Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này; định kỳ hoặc đột xuất, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 / 10 /2024.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch các hội có tính chất đặc thù có phạm vi hoạt động trong tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

**Thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk**  
(Kèm theo Quyết định số 35/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành (sau đây viết tắt là TCPHLN) thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk;

Các nội dung có liên quan đến việc thành lập, tổ chức và hoạt động của TCPHLN thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh không đề cập trong Quy định này được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

##### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các Sở, ban, ngành; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, các hội có tính chất đặc thù có phạm vi hoạt động trong tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị). Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, tổ chức và hoạt động của TCPHLN.

##### Điều 3. Hình thức tổ chức

TCPHLN được tổ chức dưới các hình thức sau: Hội đồng, Ban Chỉ đạo, Ban (Tổ) Công tác và hình thức tổ chức khác theo quy định.

##### Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Việc thành lập, tổ chức và hoạt động, tổ chức lại, thay đổi thành viên, giải thể TCPHLN được thực hiện theo quy định của Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. TCPHLN không thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

3. TCPHLN không có con dấu riêng; được sử dụng con dấu của cơ quan người đứng đầu TCPHLN, cơ quan được giao nhiệm vụ Thường trực TCPHLN, trừ trường hợp có quy định khác.

##### Điều 5. Các trường hợp thành lập TCPHLN

TCPHLN được thành lập theo một trong các trường hợp sau:

1. Theo quy định của pháp luật, văn bản chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà

nước ở Trung ương; Ý kiến chỉ đạo bằng văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Theo yêu cầu giải quyết những công việc quan trọng có liên quan đến địa giới hành chính, đối ngoại, quốc phòng, an ninh, huy động nguồn lực lớn, các công trình trọng điểm của tỉnh, những vấn đề quan trọng có tính liên ngành, liên quan đến trách nhiệm của nhiều cơ quan, đơn vị mà trong quá trình phối hợp xử lý còn có ý kiến khác nhau.

3. Khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh, tai nạn vượt quá khả năng giải quyết của một cơ quan, đơn vị hoặc cần tập trung giải quyết trong thời gian nhất định.

### **Điều 6. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn**

1. Chức năng: TCPHLN giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, nghiên cứu, phối hợp, triển khai, giải quyết một hoặc một số nhiệm vụ, công việc có tính chất quan trọng, liên ngành theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của địa phương.

2. Nhiệm vụ của TCPHLN: Nghiên cứu, đề xuất với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và phương hướng, giải pháp, kế hoạch, chương trình để giải quyết những vấn đề có tính chất quan trọng, liên ngành theo quy định pháp luật.

3. Quyền hạn của TCPHLN: Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để giải quyết những vấn đề quan trọng, liên ngành được giao.

### **Điều 7. Thành phần**

1. TCPHLN do Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh đứng đầu, gồm:

a) Cấp phó Thường trực là cấp Trưởng hoặc cấp Phó của các cơ quan, đơn vị được giao làm nhiệm vụ Thường trực TCPHLN;

b) Cấp Phó khác là cấp Trưởng hoặc cấp Phó của cơ quan, đơn vị có vị trí, vai trò quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ nhưng không được giao làm nhiệm vụ Thường trực TCPHLN;

c) Ủy viên là đại diện các cơ quan, đơn vị có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của TCPHLN.

2. TCPHLN do cấp Trưởng hoặc cấp Phó của các cơ quan, đơn vị đứng đầu, gồm:

a) Cấp Phó TCPHLN: Là cấp Phó của cơ quan được giao nhiệm vụ Thường trực TCPHLN hoặc lãnh đạo cơ quan, đơn vị có vai trò quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ của TCPHLN;

b) Ủy viên là đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của TCPHLN.

## **Chương II** **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THÀNH LẬP;** **TỔ CHỨC LẠI; KIẾN TOÀN; GIẢI THỂ TCPHLN**

### **Điều 8. Trình tự thành lập TCPHLN**

Căn cứ quy định tại Điều 5 Quy định này:

1. Đối với các TCPHLN do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị chủ trì hoặc các cơ quan, đơn vị quy định tại Điều 2 Quy định này đề xuất thì các cơ quan, đơn vị xây dựng hồ sơ, lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan, gửi Sở Nội vụ thẩm định và trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định việc thành lập.

2. Đối với các TCPHLN do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở Nội vụ chủ trì thực hiện, thì việc thành lập TCPHLN được Sở Nội vụ thực hiện theo trình tự tại khoản 1 Điều này; đối với bước thẩm định, Sở Nội vụ nêu nội dung thẩm định tại Tờ trình gửi UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

### **Điều 9. Thẩm định thành lập TCPHLN**

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm thẩm định trong thời hạn 07 ngày làm việc; trường hợp cần lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị trong thời hạn 15 ngày làm việc. Nội dung thẩm định, gồm:

- a) Sự cần thiết, cơ sở pháp lý;
- b) Tên gọi, chức năng, nhiệm vụ;
- c) Cơ cấu, thành viên;
- d) Thời hạn hoạt động;
- đ) Nội dung quy chế tổ chức và hoạt động (dự thảo).

2. Cơ quan, đơn vị gửi 01 bộ hồ sơ đến Sở Nội vụ thẩm định, gồm:

a) Tờ trình về việc thành lập TCPHLN, trong đó nêu rõ: Sự cần thiết; căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn; tên gọi, nhiệm vụ, quyền hạn; dự kiến thành phần tham gia tổ chức; dự kiến thời hạn hoạt động.

b) Dự thảo: Quyết định thành lập, Quy chế tổ chức và hoạt động của TCPHLN;

c) Báo cáo tổng hợp, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan.

### **Điều 10. Trình hồ sơ thành lập TCPHLN**

1. Đối với các TCPHLN do các cơ quan, đơn vị đề xuất hoặc các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao chủ trì, sau khi có văn bản thẩm định của Sở Nội vụ, cơ quan, đơn vị gửi 01 bộ hồ sơ, kèm theo văn bản thẩm định của Sở Nội vụ đến Văn phòng UBND tỉnh để trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định (đồng thời gửi Sở Nội vụ để theo dõi).

Đối với TCPHLN được xác định là nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch

UBND tỉnh giao Sở Nội vụ chủ trì, sau khi thẩm định nếu đảm bảo theo quy định, Sở Nội vụ gửi 01 bộ hồ sơ, đến Văn phòng UBND tỉnh (trong đó Sở Nội vụ nêu nội dung thẩm định tại Tờ trình) để trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Văn phòng UBND tỉnh trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định việc thành lập TCPHLN sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

### **Điều 11. Tổ chức lại TCPHLN**

1. Các TCPHLN được tổ chức lại (sáp nhập hoặc hợp nhất) khi mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ tương đồng, chồng chéo, trùng lặp.

2. Trình tự, thủ tục tổ chức lại TCPHLN thực hiện theo quy định tại các Điều 8, 9, 10 Quy định này.

### **Điều 12. Kiện toàn TCPHLN**

1. TCPHLN được phép thay đổi thành viên hoặc kiện toàn khi có thành viên của tổ chức thay đổi về chức vụ, nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác khác.

2. Cơ quan, đơn vị Thường trực của TCPHLN gửi 01 bộ hồ sơ đến Sở Nội vụ thẩm định; Sở Nội vụ có trách nhiệm thẩm định việc kiện toàn TCPHLN trong thời hạn 07 ngày làm việc; trường hợp cần lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị trong thời hạn 15 ngày làm việc, gồm:

a) Tờ trình về việc thay đổi thành viên, kiện toàn TCPHLN, trong đó nêu rõ lý do.

b) Dự thảo Quyết định thay đổi thành viên, kiện toàn.

c) Văn bản cử thành viên của các cơ quan, đơn vị liên quan; các văn bản khác liên quan đến việc thay đổi thành viên, kiện toàn TCPHLN (nếu có).

3. Cơ quan, đơn vị thường trực của TCPHLN gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, kèm theo văn bản thẩm định của Sở Nội vụ đến Văn phòng UBND tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

4. Trường hợp đối với các TCPHLN mà cơ quan Thường trực là Sở Nội vụ thì việc thay đổi thành viên, kiện toàn TCPHLN được Sở Nội vụ thực hiện theo trình tự tại khoản 2, khoản 3 Điều này; đối với bước thẩm định, Sở Nội vụ nêu nội dung thẩm định tại Tờ trình gửi UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

### **Điều 13. Giải thể TCPHLN**

1. TCPHLN có xác định thời gian hoạt động, tự giải thể theo thời hạn ghi trong quyết định thành lập.

2. TCPHLN không xác định thời gian hoạt động, giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

3. TCPHLN không hoàn thành nhiệm vụ, hoạt động không hiệu quả hoặc

không hoạt động thì bị giải thể.

4. UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc giải thể TCPHLN quy định tại các khoản 2, 3 Điều này theo đề nghị của cơ quan Thường trực TCPHLN hoặc của Sở Nội vụ.

### **Chương III HOẠT ĐỘNG CỦA TCPHLN**

#### **Điều 14. Chế độ làm việc của TCPHLN**

1. TCPHLN do Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh đứng đầu, làm việc theo chế độ đề cao trách nhiệm của người đứng đầu.

2. TCPHLN do cấp Trưởng hoặc cấp Phó của các cơ quan, đơn vị đứng đầu, làm việc theo chế độ đề cao trách nhiệm của từng thành viên.

3. Thành viên của TCPHLN hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm; trừ trường hợp có quy định khác.

4. TCPHLN chỉ sử dụng bộ máy, nhân sự chuyên trách khi có quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan Thường trực TCPHLN**

1. TCPHLN do Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh đứng đầu, thì người đứng đầu của các cơ quan được giao nhiệm vụ Thường trực chịu trách nhiệm bảo đảm các điều kiện hoạt động của TCPHLN, sử dụng bộ máy của cơ quan, đơn vị mình để tổ chức thực hiện nhiệm vụ; trừ trường hợp có quy định khác.

2. TCPHLN do cấp Trưởng hoặc cấp Phó các cơ quan, đơn vị đứng đầu, thì cơ quan Thường trực, được sử dụng bộ máy của cơ quan, đơn vị mình để thực hiện nhiệm vụ; trừ trường hợp có quy định khác.

#### **Điều 16. Quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu TCPHLN**

1. Người đứng đầu của TCPHLN là Phó Chủ tịch UBND tỉnh, cấp Trưởng (hoặc cấp Phó) của các cơ quan, đơn vị có quyền hạn, trách nhiệm sau đây:

a) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ được giao;

b) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ của tổ chức phối hợp liên ngành;

c) Điều hành, phân công nhiệm vụ cho các thành viên;

d) Triệu tập, chủ trì các cuộc họp của tổ chức phối hợp liên ngành;

đ) Quyết định thành lập tổ chuyên môn, giúp việc;

e) Thực hiện chế độ báo cáo về tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành;

g) Quản lý kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc được trang bị theo quy định của pháp luật.

h) Trung tập chuyên gia, nhà khoa học (nếu cần thiết và theo quy định).

2. TCPHLN do Chủ tịch UBND tỉnh đứng đầu, thì cấp Trưởng (hoặc cấp Phó) của các cơ quan được giao làm nhiệm vụ Thường trực có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g; riêng đối với điểm h thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **Điều 17. Quyền hạn, trách nhiệm của Thành viên TCPHLN**

1. Thành viên của TCPHLN có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động của TCPHLN, chịu trách nhiệm trước người đứng đầu về những vấn đề được phân công.

2. Ý kiến tham gia của các thành viên là ý kiến chính thức của cơ quan, tổ chức nơi công tác.

3. Thành viên của TCPHLN được cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến hoạt động của TCPHLN.

### **Điều 18. Chế độ thông tin, báo cáo**

1. TCPHLN có trách nhiệm báo cáo định kỳ 6 tháng, hằng năm và đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

2. TCPHLN do Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh đứng đầu, thì cấp Trưởng (hoặc cấp Phó) của các cơ quan, đơn vị được giao làm nhiệm vụ Thường trực có trách nhiệm báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Các báo cáo định kỳ gửi về Sở Nội vụ tổng hợp trước ngày 15 tháng 01 và 15 tháng 7 hằng năm để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

4. TCPHLN thành lập theo khoản 2, khoản 3 Điều 5 của Quy định này, nếu đang trong thời gian hoạt động mà đến kỳ báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thực hiện theo quy định.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, trước khi giải thể, người đứng đầu TCPHLN có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện mà không tính mốc thời gian của kỳ báo cáo quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Nội dung báo cáo định kỳ

a) Tên tổ chức;

b) Quyết định thành lập;

c) Thời gian hoạt động; thời gian hoạt động tiếp theo;

d) Người đứng đầu tổ chức;

đ) Thay đổi về thành viên của tổ chức;

e) Đánh giá kết quả và phương hướng hoạt động tổ chức;

g) Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên của tổ chức;

h) Kiến nghị đề xuất (nếu có).

### **Điều 19. Kinh phí hoạt động**

Kinh phí hoạt động của TCPHLN do ngân sách Nhà nước đảm bảo và được bố trí trong kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan được giao nhiệm vụ là cơ quan Thường trực của TCPHLN; trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Hằng năm, cơ quan được giao nhiệm vụ Thường trực TCPHLN có trách nhiệm lập dự toán kinh phí hoạt động gửi Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh xem xét bố trí kinh phí theo quy định.

#### **Chương IV** **TRÁCH NHIỆM THI HÀNH**

##### **Điều 20. Điều khoản thi hành**

1. Giám đốc Sở Nội vụ theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.
2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

##### **Điều 21. Quy định chuyển tiếp**

1. TCPHLN được thành lập trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì giữ nguyên và hoạt động bình thường.
  2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Thường trực của các TCPHLN được thành lập trước ngày Quy định này có hiệu lực thực hiện rà soát, báo cáo, đề xuất gửi Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kiến toàn, tổ chức lại, giải thể các TCPHLN theo quy định (nếu có)/.
-

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 36/2024/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 08 tháng 10 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 311/TTr-STNMT ngày 26 tháng 9 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện, theo dõi, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này với Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Điều khoản thi hành

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 10 năm 2024
- Quyết định này thay thế Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; bãi bỏ khoản 3 Điều 1, Điều 2 và Điều 3 Quyết định 05/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND và Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư; Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Ngọc Nghị**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

**Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước  
thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

(Kèm theo Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND  
ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh được quy định tại khoản 2 Điều 104, khoản 4 Điều 103, điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều 109, khoản 7 và khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai năm 2024; khoản 3 Điều 4, khoản 7 Điều 12, khoản 9 Điều 13, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 15, Điều 16, điểm b khoản 2 Điều 17, điểm c khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 19, khoản 5 và khoản 6 Điều 20, Điều 21, khoản 3 Điều 22, khoản 2 Điều 23, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Những nội dung liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai và công chức làm công tác địa chính ở cấp xã; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Người có đất thu hồi và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi.

3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

### Chương II QUY ĐỊNH VỀ BỒI THƯỜNG KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

**Điều 3. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại cho trường hợp không có hồ sơ, chứng từ chứng minh**

1. Đối với chi phí san lấp mặt bằng, chi phí gia cố khả năng chịu lực chống rung, sụt lún đất đối với đất làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh

Căn cứ đơn giá, định mức kinh tế kỹ thuật do Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ, ngành ban hành, đơn vị, tổ chức lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tổ chức thực hiện xác định chi phí và trình phê duyệt cùng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Đối với chi phí cải tạo đất, làm tăng độ màu mỡ đất sản xuất nông nghiệp:

- a) Đất trồng lúa: 2.000 đồng/m<sup>2</sup>
- b) Đất trồng cây hằng năm khác: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>
- c) Đất trồng cây lâu năm: 2.000 đồng/m<sup>2</sup>.

**Điều 4. Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ an toàn**

Diện tích có đủ điều kiện được bồi thường thuộc hành lang bảo vệ an toàn không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng bị hạn chế khả năng sử dụng được bồi thường thiệt hại, cụ thể như sau:

1. Đối với đất ở và các loại đất khác trong cùng thửa đất ở được bồi thường thiệt hại bằng 80% giá đất cùng loại.

2. Đối với diện tích đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất của hộ gia đình, cá nhân trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không được bồi thường thiệt hại bằng 30% giá đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất theo giá đất bồi thường.

**Điều 5. Tỷ lệ quy đổi, điều kiện bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất bị thu hồi**

Khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở, nếu đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định tại Điều 95 Luật Đất đai mà không có đất cùng loại để bồi thường, có nhu cầu bồi thường bằng đất ở thì được xem xét bồi thường bằng đất ở, cụ thể như sau:

1. Đối với đất phi nông nghiệp: Nếu thu hồi hết diện tích đang sử dụng hoặc diện tích còn lại nhỏ hơn diện tích tối thiểu theo quy định của UBND tỉnh thì được quy đổi bằng một thửa đất ở (nếu địa phương có quỹ đất).

2. Đối với đất nông nghiệp: Nếu thu hồi hết diện tích đang sử dụng hoặc diện tích đất nông nghiệp còn lại nhỏ hơn diện tích tối thiểu được phép tách thửa theo quy định của UBND tỉnh và giá trị bằng tiền của diện tích bồi thường bằng hoặc lớn hơn 80% thửa đất ở được giao đất thì được quy đổi bằng một thửa đất ở (nếu địa phương có quỹ đất).

**Điều 6. Bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác không thể di chuyển**

Khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển được thì được bồi thường thiệt hại theo mức đơn giá của con giống tại thời điểm thu hồi đất cộng với chi phí chăn nuôi,

chăm sóc kể từ thời điểm bắt đầu chăn nuôi đến thời điểm thu hồi đất và được tận thu, tận dụng tài sản.

**Điều 7. Bồi thường chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt khi di chuyển tài sản**

1. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở (bao gồm thu hồi đất được bồi thường đất ở và thu hồi đất không được bồi thường về đất ở; di chuyển chỗ ở để xây dựng hoặc sửa chữa nhà ở) thì được bồi thường chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt khi di chuyển tài sản.

2. Mức bồi thường:

- a) Nếu di chuyển trong phạm vi huyện, thành phố, thị xã: 8.000.000đồng;
- b) Nếu di chuyển ngoài phạm vi huyện, thành phố, thị xã: 10.000.000 đồng;
- c) Nếu di chuyển ra ngoài phạm vi tỉnh: 15.000.000 đồng.

**Điều 8. Bồi thường thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt đối với trường hợp di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất**

Khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất thì ngoài việc được bồi thường chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt còn được bồi thường thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt. Mức bồi thường bằng giá trị vật tư mới tương đương của các bộ phận bị hư hại trong quá trình tháo dỡ hoặc không tiếp tục sử dụng được.

**Điều 9. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất**

1. Đối với nhà, công trình xây dựng khác bị tháo dỡ hoặc phá dỡ một phần mà phần còn lại cải tạo, sửa chữa để tiếp tục sử dụng thì phần tháo dỡ hoặc phá dỡ được bồi thường theo giá trị chất lượng còn lại và được cộng với 20% giá trị xây dựng mới của phần còn lại nhưng giá trị bồi thường không quá 100% giá trị xây dựng mới.

2. Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về chuyên ngành thì được bồi thường theo giá trị chất lượng còn lại thực tế của công trình phù hợp trên địa bàn từng địa phương.

**Điều 10. Bồi thường chi phí cải tạo, sửa chữa cho người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước**

Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu nhà nước và diện tích coi như trái phép, nhưng được bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp bằng giá trị cải tạo, sửa chữa, nâng cấp mới cho phần nhà đã được cải tạo, sửa chữa, nâng cấp theo thiết kế dự toán phần cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà ở được UBND cấp huyện phê duyệt.

**Điều 11. Bồi thường di dời mồ mã**

1. Bồi thường về chi phí xây dựng

Trường hợp mộ di dời được xây theo mẫu có giá được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thì xác định theo đơn giá đã được ban hành. Trường hợp mộ di dời xây không theo mẫu đã có giá thì xác định bằng giá trị xây dựng mới.

2. Bồi thường chi phí đào, bốc, di dời, chi phí tâm linh là 12.000.000 đồng/mộ.

3. Trường hợp hộ gia đình tự lo đất di dời mồ mả thì ngoài phần bồi thường theo khoản 1 và khoản 2 Điều này thì còn được hỗ trợ thêm chi phí về đất 2.000.000 đồng/mộ.

4. Trường hợp hộ gia đình sử dụng hình thức hỏa táng, lưu trữ tro cốt tại các cơ sở lưu trữ tro cốt thì ngoài phần bồi thường theo khoản 1 và khoản 2 Điều này thì còn được hỗ trợ thêm 10.000.000 đồng/mộ.

### **Chương III**

## **QUY ĐỊNH VỀ HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT**

### **Điều 12. Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm**

1. Khi Nhà nước thu hồi đất, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại khoản 1 Điều 109 Luật Đất đai và khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ tiền bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương theo quy định.

2. Khi Nhà nước thu hồi đất, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 109 Luật Đất đai được hỗ trợ bằng hình thức đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi.

### **Điều 13. Hỗ trợ di dời vật nuôi**

Khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di dời vật nuôi thì được hỗ trợ toàn bộ tiền công và chi phí thuê phương tiện di chuyển (nếu có) theo chi phí thực tế.

### **Điều 14. Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh**

1. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp tại điểm a khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh bằng tiền theo mức 2.000.000 đồng cho một hộ gia đình.

2. Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại điểm b khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh bằng tiền theo mức bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của ba năm liền kề trước đó được cơ quan thuế xác nhận.

3. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại

khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc. Mức trợ cấp ngừng việc được tính bằng tiền lương tối thiểu nhân với hệ số cấp bậc công việc của ngành nghề tương ứng theo quy định hiện hành của Nhà nước trong thời gian 06 (sáu) tháng, được chi trả 01 (một) lần khi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

### **Điều 15. Hỗ trợ đối với các trường hợp, dự án cụ thể**

Đối với các trường hợp xem xét hỗ trợ theo từng dự án, trường hợp cụ thể quy định tại khoản 10 Điều 111 Luật đất đai; khoản 7 Điều 12, khoản 9 Điều 13, khoản 2 Điều 19, khoản 5 Điều 20 và khoản 2 Điều 21 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP. Căn cứ vào tình hình thực tế đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với chủ đầu tư đề xuất Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, báo cáo Ủy ban nhân tỉnh mức hỗ trợ đối với từng dự án, trường hợp cụ thể.

### **Điều 16. Cơ chế thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn**

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chấp hành bàn giao trước thời hạn được thưởng như sau:

1. Đối với trường hợp thu hồi đất có nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh bị tháo dỡ toàn bộ được thưởng: 5.000.000 đồng; trường hợp bị tháo dỡ một phần được thưởng: 3.000.000 đồng.

2. Các trường hợp còn lại được thưởng: 2.000.000 đồng.

## **Chương IV**

### **BỐ TRÍ, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT**

#### **Điều 17. Suất tái định cư tối thiểu**

Suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk bằng đất ở, cụ thể như sau:

1. Giá trị suất tái định cư tối thiểu được xác định theo diện tích suất tái định cư tối thiểu nhân với giá đất ở thấp nhất tại nơi bố trí tái định cư.

2. Diện tích tái định cư tối thiểu ở các địa bàn được quy định cụ thể bằng 1,5 lần hạn mức tối thiểu tách thửa đối với đất ở theo quy định của UBND tỉnh Đắk Lắk tại các địa bàn bố trí tái định cư.

#### **Điều 18. Bố trí tái định cư đối với trường hợp sử dụng nhà thuộc sở hữu nhà nước**

Người đang sử dụng nhà thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ nhà mà không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp huyện nơi có đất thu hồi thì được hỗ trợ tiền thuê nhà với mức hỗ trợ theo Điều 20 Quy định này, thời gian hỗ trợ 06 (sáu) tháng; trường hợp người đang sử dụng nhà ở bị thu hồi có nhu cầu và địa phương có quỹ đất ở tái định cư thì được giao 01 (một) thửa đất ở tái định cư có thu tiền sử dụng đất; trường hợp tự lo chỗ ở mới thì được hỗ trợ bằng tiền theo quy định tại Điều 19 Quy định này.

**Điều 19. Hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất**

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài đủ điều kiện được hỗ trợ tái định cư theo quy định tại khoản 8 Điều 111 của Luật Đất đai mà có nhu cầu tự lo chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất bằng tiền còn được nhận tiền hỗ trợ để tự lo chỗ ở; người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đủ điều kiện để bố trí tái định cư mà tự lo chỗ ở thì được hỗ trợ bằng tiền. Mức hỗ trợ cụ thể trên các địa bàn như sau:

1. Các phường thuộc thành phố Buôn Ma Thuột: 150 triệu đồng.
2. Các phường thuộc thị xã Buôn Hồ, thị trấn các huyện: 120 triệu đồng.
3. Các xã thuộc thành phố Buôn Ma Thuột: 100 triệu đồng.
4. Các xã còn lại: 80 triệu đồng.

**Điều 20. Hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian chờ bố trí tái định cư**

Người có đất ở bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị được bố trí tái định cư tại chỗ; trong thời gian chờ bố trí tái định cư được hỗ trợ tiền thuê nhà kể từ khi bàn giao đất đến khi được giao đất tái định cư, cụ thể như sau:

1. Đối với địa bàn các phường, thị trấn: 1.500.000 đồng/khẩu/tháng, nhưng mức tối đa không quá 7.000.000 đồng/hộ/tháng; riêng với hộ đơn thân 3.000.000 đồng/tháng.
2. Đối với địa bàn các xã: 1.200.000 đồng/khẩu/tháng, nhưng mức tối đa không quá 5.000.000 đồng/hộ; đối với hộ đơn thân 2.000.000 đồng/tháng.

**Chương V  
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với các trường hợp đã có quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quy định này.

2. Đối với các trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt; việc xử lý chi trả bồi thường chậm được thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm Nhà nước ban hành quyết định thu hồi đất.

**Điều 22. Trách nhiệm của các sở, ngành cấp tỉnh**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở ngành và địa phương xem xét việc hỗ trợ đối với các trường hợp quy định tại Điều 15 quy định này tham mưu, báo cáo UBND tỉnh mức hỗ trợ đối với từng trường hợp cụ thể.

b) Thực hiện kiểm tra, thanh tra việc thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo Quy định này.

c) Đối với dự án đầu tư do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư phải thu hồi đất mà làm di chuyển cả cộng đồng dân cư, làm ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống, kinh tế, xã hội, truyền thống văn hóa của cộng đồng và cần có chính sách đặc thù về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

d) Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình và kết quả thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn.

## 2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét việc hỗ trợ đối với các trường hợp quy định tại Điều 15 Quy định này, tham mưu, báo cáo UBND tỉnh mức hỗ trợ đối với từng trường hợp cụ thể.

b) Kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh về lập dự toán, báo cáo quyết toán về kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

## 3. Sở Xây dựng

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét việc hỗ trợ đối với các trường hợp quy định tại Điều 15 Quy định này, tham mưu, báo cáo UBND tỉnh mức hỗ trợ đối với từng trường hợp cụ thể.

b) Hướng dẫn xử lý những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ đối với nhà cửa, vật kiến trúc, công trình khác gắn liền với đất.

## 4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét việc hỗ trợ đối với các trường hợp quy định tại Điều 15 Quy định này, tham mưu, báo cáo UBND tỉnh mức hỗ trợ đối với từng trường hợp cụ thể.

b) Hướng dẫn xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện chính sách về bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, vật nuôi.

## 5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét việc hỗ trợ đối với các trường hợp quy định tại Điều 15 Quy định này, tham mưu, báo cáo UBND tỉnh mức hỗ trợ đối với từng trường hợp cụ thể.

## 6. Cục Thuế tỉnh

Chỉ đạo Chi cục thuế cấp huyện kiểm tra, cung cấp thông tin về mức thu nhập sau thuế của hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh làm căn cứ hỗ trợ ổn định sản xuất được quy định tại khoản 2 Điều 14 của Quy định này.

### **Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Chỉ đạo, tổ chức, điều hành các cơ quan chuyên môn trực thuộc và đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện nhiệm vụ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo thẩm quyền.

2. Tổ chức, tuyên truyền, vận động người có đất, tài sản bị thu hồi thực hiện giải phóng mặt bằng theo đúng quy định.

3. Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo thẩm quyền.

4. Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan và chủ đầu tư thực hiện dự án tái định cư.

5. Lập và tổ chức thực hiện phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại địa phương.

6. Phối hợp với chủ đầu tư xây dựng chính sách đặc thù về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư phải thu hồi đất mà làm di chuyển cả cộng đồng dân cư, làm ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống, kinh tế, xã hội, truyền thống văn hóa của cộng đồng và cần có chính sách đặc thù về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

7. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tình hình và kết quả thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại địa phương trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

### **Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền về mục đích thu hồi đất để thực hiện dự án cùng chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Nhà nước.

2. Phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư triển khai thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm theo quy định.

3. Kiểm tra, xác nhận nguồn gốc, thời điểm, tình trạng sử dụng đất và thời điểm tạo lập tài sản; xác nhận hộ gia đình, cá nhân đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp; xác nhận các nội dung khác có liên quan.

### **Điều 25. Trách nhiệm của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư**

1. Xây dựng kế hoạch triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

2. Tổ chức lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đảm bảo đúng theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Tiếp dân để giải đáp và hướng dẫn giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.

4. Hàng năm, lập báo cáo về kết quả công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã thực hiện trên địa bàn theo từng quý gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### **Điều 26. Trách nhiệm của chủ đầu tư**

1. Phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quy định này trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và bàn giao các hồ sơ tài liệu có liên quan của Dự án.

2. Đảm bảo kinh phí đầy đủ, kịp thời để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

3. Đối với dự án đầu tư do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư phải thu hồi đất mà làm di chuyển cả cộng đồng dân cư, làm ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống, kinh tế, xã hội, truyền thống văn hóa của cộng đồng và cần có chính sách đặc thù về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Chủ đầu tư dự án chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện nơi có dự án đi qua, căn cứ tình hình thực tế, phong tục tập quán của cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng, xây dựng chính sách đặc thù về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện cho dự án, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk) để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh; các sở, ngành và địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

---

---

**VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK XUẤT BẢN**

Địa chỉ : Số 09 Lê Duẩn - TP. Buôn Ma Thuật - tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại : 080.50557 - 080.50584

Fax : 080.50554

E-mail: [congbao@daklak.gov.vn](mailto:congbao@daklak.gov.vn)

Website: <http://congbao.daklak.gov.vn>

In tại:

Giá: ..... đồng